

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/ HNGĐ - ST

Ngày: 10/ 3/ 2023

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Ông Trịnh Xuân Tính

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Tú – Thư ký TAND
thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1983 - Có mặt

Địa chỉ: SN 01/32 Phố Á S 1, Phường Đ H, thành phố T H.

Bị đơn: Anh Phương Đình T – Sinh năm 1979 - Vắng mặt

Địa chỉ: SN 01/43 Phố Đ L, Phường Đ H, thành phố T H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phương Đình T kết hôn với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ H, thành phố T H.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và đã nhiều lần anh T chửi bới, đánh đập chị thâm tệ, do không chịu đựng được nữa, nên chị đã đưa cháu Phương Đình L về

nhà mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 7 năm 2022 và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung:

1. Phương Thị Loan A – sinh ngày 07/9/2008
2. Phương Đình Lg– sinh ngày 23/ 9/ 2012.
3. Phương Đình L – sinh ngày 21/10/2016.

Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Phương Thị Loan A và Phương Đình L. Chị L không yêu cầu anh Thanh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn anh Phương Đình T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Thanh cũng thống nhất với trình bày của chị L về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn. Nhưng theo anh T thì sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng với nhau về kinh tế nên dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 7 năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng các con.

Về con chung: Anh T cũng thừa nhận anh, chị có 03 con chung:

1. Phương Thị Loan A – sinh ngày 07/9/2008
2. Phương Đình Lg– sinh ngày 23/ 9/ 2012.
3. Phương Đình L – sinh ngày 21/10/2016.

Nếu phải ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Phương Thị Loan A – sinh ngày 07/9/2008 và Phương Đình Lg– sinh ngày 23/ 9/ 2012, còn giao cháu Phương Đình L – sinh ngày 21/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy tại bản khai anh T có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù anh T đã nhận được Thông báo về việc mở phiên họp của Tòa án hợp lệ và Tòa án cũng đã liên hệ nhiều lần với anh T qua điện thoại, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án tham gia phiên họp, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương: Chị L và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ H, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được, vì không thấy anh, chị báo cáo. Hiện nay Chị L không còn sống cùng với anh T mà chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Anh T, chị L có 03 con chung và cả hai anh chị đều làm nghề lao động tự do, thu nhập cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không biết. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T, nhưng tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ . Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phương Đình T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phương Đình T.

có 03 con.

1. Phương Thị Loan A – sinh ngày 07/9/2008

2. Phương Đình Lg– sinh ngày 23/ 9/ 2012.

3. Phương Đình L – sinh ngày 21/10/2016

Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Phương Thị Loan A; Cháu Phương Đình L và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Đình Lg. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố T H, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Phương Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ nhất, nhưng vẫn vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] *Về hôn nhân:* Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn, nên chị L đã đi ở nơi khác và anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án tuy anh T không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng đoàn tụ. Nhưng anh T không hợp tác, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể hòa giải để anh chị về đoàn tụ được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phương Đình T có 03 con chung:

1. Phương Thị Loan A – sinh ngày 07/9/2008
2. Phương Đình Lg – sinh ngày 23/ 9/ 2012.
3. Phương Đình L – sinh ngày 21/10/2016

Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Phương Thị Loan A và cháu Phương Đình Lg. Chị L cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Phương Thị Loan A và cháu Phương Đình L.

Tại bản khai cháu Phương Đình Lg có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Phương Thị Loan A, tuy hiện nay cháu đang ở với bố, nhưng trong bản khai cháu trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu là con gái đang độ tuổi dậy thì, nên nếu cháu ở với mẹ sẽ thuận lợi hơn về nhiều mặt cho cháu.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị L, anh T và nguyện vọng của các cháu là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện nuôi con của mỗi bên và xem xét đến nguyện vọng của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của chị L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phương Thị Loan A và

Phương Đình L. Giao cho anh Phương Đình T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Đình Lg. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai

Anh T, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phương Đình T.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phương Đình T có 03 con chung:

(1). Phương Thị Loan A – sinh ngày 07/9/2008

(2). Phương Đình Lg – sinh ngày 23/ 9/ 2012.

(3). Phương Đình L – sinh ngày 21/10/2016

Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phương Thị Loan A - sinh ngày 07/9/2008 và Phương Đình L - sinh ngày 21/10/2016. Giao cho anh Phương Đình T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương Đình Lg - sinh ngày 23/ 9/ 2012. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Anh T, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002314 ngày 06/ 10/ 2022 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị L đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Phương Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Đ H;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Hương